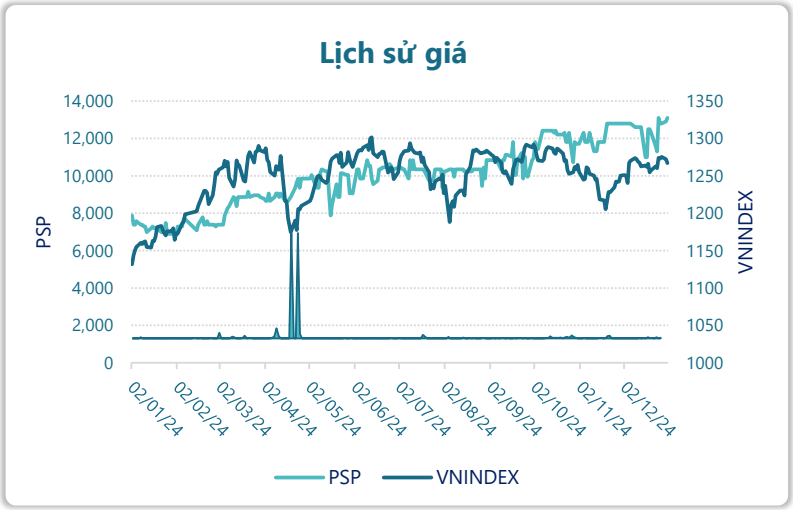
FireAnt

CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (UPCOM: PSP)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,892
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,335
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	524
P/E	62.2
EPS	211

DT thuần

Q4/24

58.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.50| -4.1%

YoY: ▼8.90| -13.3%

LN sau thuế

Q4/24

2.41

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.09| -46.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.7%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

2024

238

tỷ VNĐ

LN sau thuế

2024

8.35

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.31| -3.6%

ROE

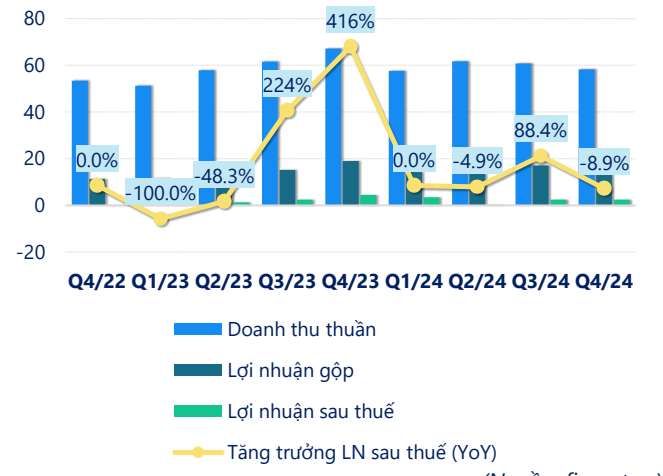
2024

1.8%

+/- YoY: ▼ 0.1%

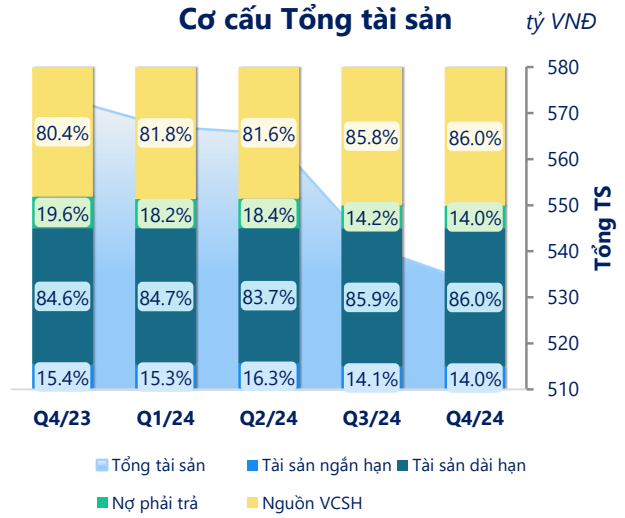
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



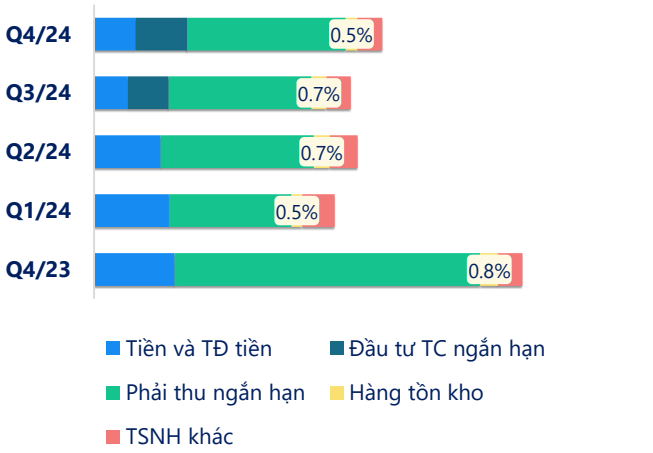
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



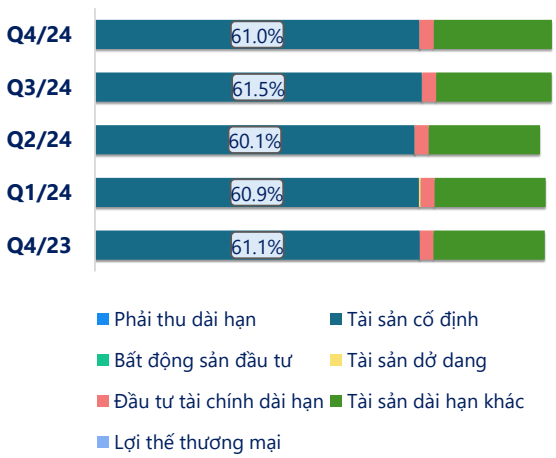
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



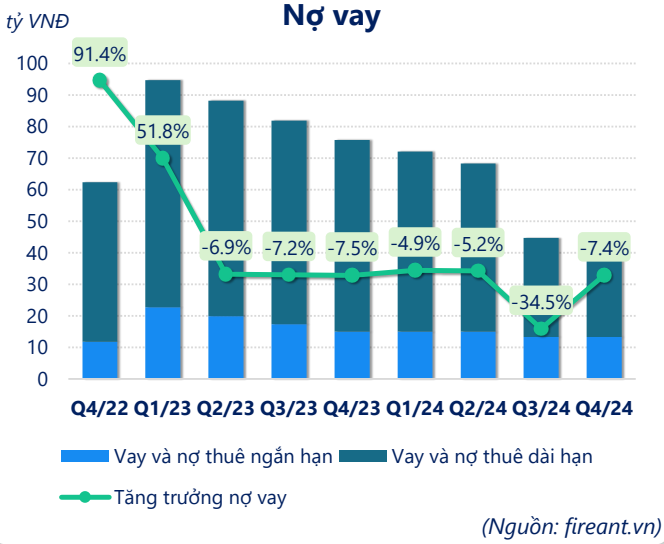
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



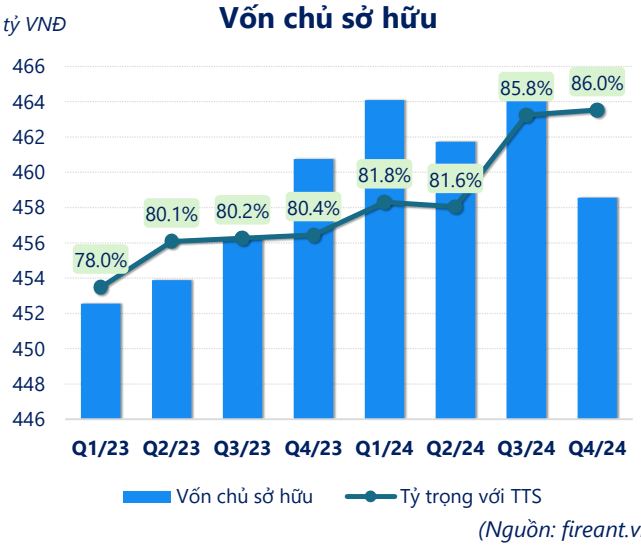
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



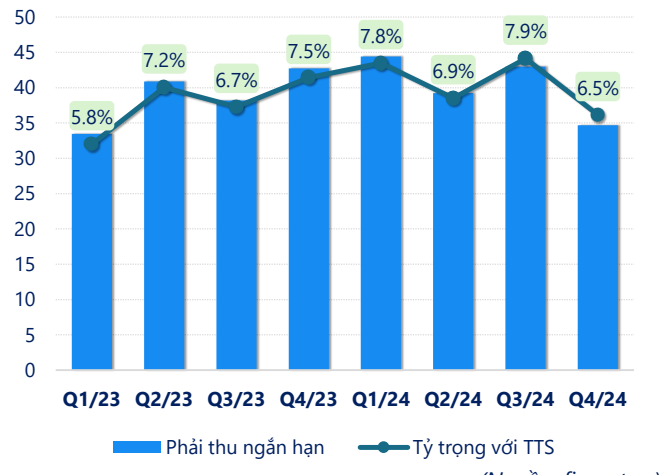
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



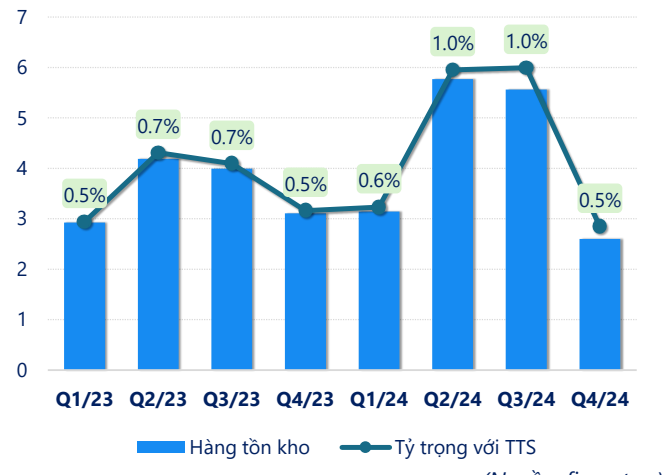
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



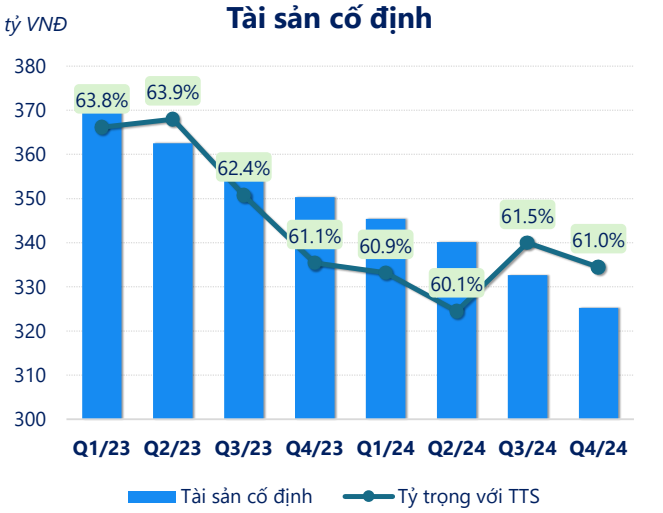
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



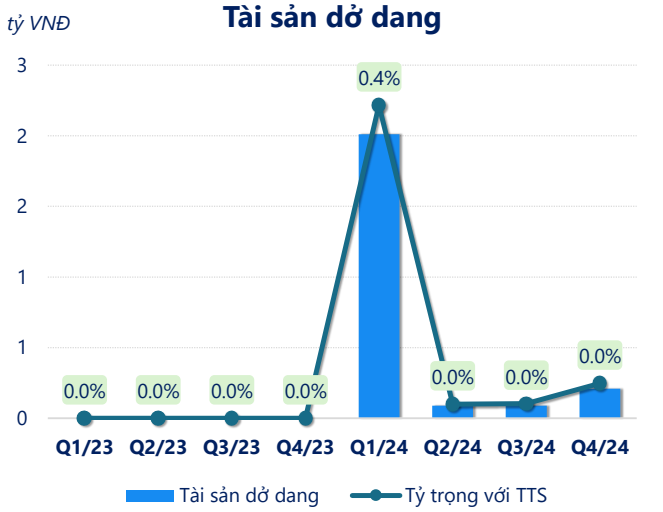
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



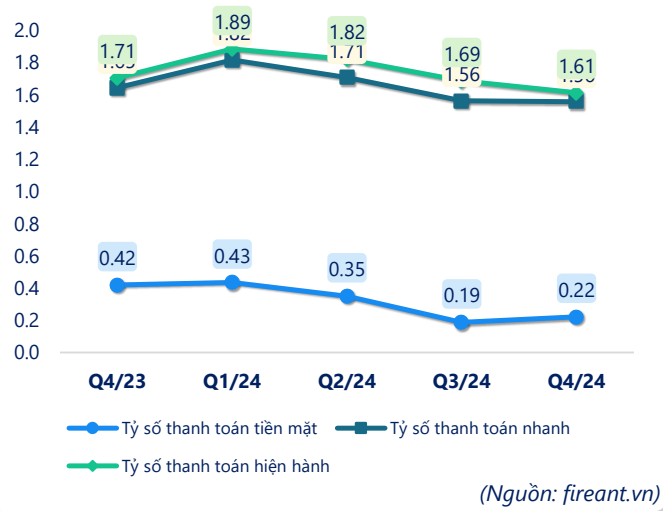
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



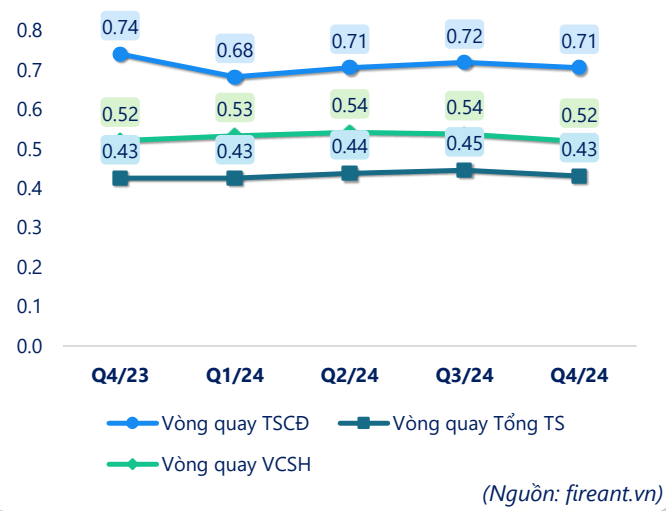
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**573**	**567**	**566**	**541**	**533**
Tài sản ngắn hạn	**88.4**	**86.5**	**92.0**	**76.5**	**74.8**
Tiền và tương đương tiền	21.7	20.0	17.7	8.49	10.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	14.0	24.0	14.0	21.0
Phải thu ngắn hạn	42.7	44.4	39.2	43.0	34.7
Hàng tồn kho	3.11	3.14	5.77	5.56	2.60
Tài sản ngắn hạn khác	6.80	5.03	5.37	5.48	6.22
Tài sản dài hạn	**485**	**481**	**474**	**464**	**458**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	350	345	340	333	325
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	2.01	0.09	0.09	0.21
Đầu tư tài chính dài hạn	14.8	15.0	14.9	14.3	14.2
Tài sản dài hạn khác	120	118	118	117	119
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**113**	**103**	**104**	**76.8**	**74.5**
Nợ ngắn hạn	**51.8**	**45.9**	**50.5**	**45.3**	**46.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.0	15.0	15.0	13.3	13.3
Phải trả người bán ngắn hạn	23.0	16.2	18.8	14.5	18.0
Nợ dài hạn	60.8	57.1	53.3	31.5	28.1
Vay và nợ thuê dài hạn	60.8	57.1	53.3	31.5	28.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**461**	**464**	**462**	**464**	**459**
Vốn chủ sở hữu	**461**	**464**	**462**	**464**	**459**
Vốn điều lệ	400	400	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)